

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 154/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1989

Và chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: Khu 4, thị trấn K, huyện T, Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 02/11/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ, chồng không hợp, vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm sống dẫn đến bất hòa kéo dài, cuộc sống vợ, chồng không hạnh phúc. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Nay anh H và chị D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho hai bên được ly hôn.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 24/6/2013 và cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 25/10/2018. Sau khi ly hôn, anh H và chị D thỏa thuận giao cháu Ng và cháu N cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D mỗi tháng 1.000.000 đ (Một triệu đồng) cho mỗi cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 08/2020 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản: Anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị D thỏa thuận, anh H là người chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh H và chị D thống nhất, thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 24/6/2013 và cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 25/10/2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi con (Hai con là 2.000.000 đồng/ 01 tháng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 8/2020 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi. Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi chị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, anh H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Thanh H chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm anh H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số: AA/2018/0002845 ngày 10/8/2020. Anh H đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND thị trấn K;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Cúc